

Số: 137/CPCL-TCKT
V/v công bố thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Mã chứng khoán: CLC

Trụ sở chính: Khu CN Cát Lái (Cụm 2), Đường D, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q.2, Tp. HCM.

Điện thoại: (08) 37421118 Fax: (08) 37420923 Website: www.catloi.com.vn.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Tấn Hoà.

Địa chỉ: Công ty Cổ Phần Cát Lợi – Khu CN Cát Lái, Quận 2, TP. HCM.

Điện thoại: (08) 37421118 Fax (08) 37420923.

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo thường niên năm 2013. (đính kèm)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13 tháng 03 năm 2014 tại đường dẫn www.catloi.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



Bùi Tấn Hoà

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5. Định hướng phát triển	3
6. Các rủi ro.	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	4
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	4
2. Tổ chức và nhân sự:	5
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	6
4. Tình hình tài chính	6
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	7
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	9
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2013:.....	9
2. Tình hình tài chính:	11
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	13
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2014:	13
5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có.....	15
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..	15
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	15
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	16
3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	17
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
1. Hội đồng quản trị.....	18
2. Ban kiểm soát	22
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	24
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	25
1. Ý kiến kiểm toán:	25
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).	27

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI Năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Cát Lợi.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.
- Vốn điều lệ 31/12/2012: 131.038.300.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.038.300.000 VND.
- Địa chỉ: 934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.37421118 Fax: 08.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu: CLC

2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

- In bao bì; sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá;

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các công ty sản xuất thuốc lá điều trong cả nước từ Bắc tới Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định luật doanh nghiệp và luật chứng khoán bao gồm:

- Các cổ đông công ty.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban giám đốc.
- Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng Kế hoạch vật tư xuất nhập khẩu.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng kỹ thuật.
- Kho vật tư thành phẩm.
- Phân xưởng In.
- Phân xưởng cây đầu lọc.

c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Phát triển bền vững, giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sập, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng.
- Sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;

- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất là thiết bị nhằm giảm sự tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sập, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng.

6. Các rủi ro.

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một số lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng làm giảm lợi nhuận của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc điều và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	So sánh (%)	
				TH-2013/ TH-2012	TH-2013/ KH-2013
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.382.343	1.398.000	1.603.670	116,01%	114,71%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	52.962	50.000	78.128	147,52%	156,26%

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt kết quả tốt so với kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều đạt trên mức kế hoạch của Đại hội đồng

cổ đông giao cụ thể : Tổng doanh thu năm 2013 đạt 1.604 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,7% so với kế hoạch năm và tăng 16,0% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng kéo theo lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty tăng 28,1 tỷ đồng tương ứng tăng 56,3% so với kế hoạch năm và tăng 47,5% so cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

- Ông Bùi Tấn Hoà: Giám Đốc
- Ông Nguyễn Đức Hanh: Phó Giám Đốc
- Ông Nguyễn Hoàng Minh: Phó Giám Đốc
- Ông Trương Bình An Sơn: Kế Toán Trưởng

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không thay đổi

c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2013 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	3
2. Đại học	55
3. Cao đẳng	16
4. Trung cấp	46
5. Trung học dạy nghề	76
6. Lao động phổ thông	152
Tổng cộng :	348

- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2013 đạt 9.750.626 đồng/người/tháng.

- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	Đồng	580.065.644.099	577.267.444.004	-0,5%
Doanh thu thuần	"	1.380.338.786.617	1.602.041.379.642	16,1%
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	"	52.606.044.697	77.254.613.736	46,9%
Lợi nhuận khác	"	356.069.261	873.824.136	145,4%
Lợi nhuận trước thuế	"	52.962.113.958	78.128.437.872	47,5%
Lợi nhuận sau thuế	"	48.736.696.342	71.239.590.966	46,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	%	53,8%	36,8%	-31,6%

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện 2012 là 20%/vốn điều lệ chiếm 53,8% lợi nhuận sau thuế, năm 2013 kế hoạch cổ tức là 20% .

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu		Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,44	1,70	
+ Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	"	0,52	0,80	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	58,92	51,81	
+ Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	"	143,41	107,53	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Lần	4,50	5,00	
+ Doanh thu thuần /Tổng tài sản	"	2,38	2,78	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,53	4,45	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	"	20,45	25,61	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	"	8,40	12,34	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	"	3,81	4,82	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần tại 31/12/2013:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: -
- + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 13.103.830 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng -
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 28/02/2014:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	<u>577</u>	<u>12.642.932</u>	<u>96,48%</u>
1	Cổ đông Nhà nước (TCT Thuốc lá Việt Nam)	1	6.683.040	51,00%
2	Cổ đông lớn (Cty TL Sài Gòn > 5%)	1	836.270	6,38%
3	Công đoàn	1	3.589	0,03%
4	Cổ đông khác	574	5.120.033	39,07%
	HĐQT, BGĐ, BKS	7	173.769	1,33%
	Cá nhân trong công ty	88	645.989	4,93%

	Cá nhân ngoài công ty	455	3.686.662	28,13%
	Tổ chức trong nước	24	613.613	4,68%
II.	Nước ngoài	<u>46</u>	<u>460.898</u>	<u>3,52%</u>
1	Cá nhân	38	140.258	1,07%
2	Tổ chức	8	320.640	2,45%
	<u>Tổng cộng</u>	<u>623</u>	<u>13.103.830</u>	<u>100%</u>

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.683.040	51,00%
2	Cty TNHH 1TV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	836.270	6,38%
	<u>Tổng cộng</u>		<u>7.519.310</u>	<u>57,38%</u>

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2013:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	So sánh (%)	
				TH-2013/ TH-2012	TH-2013/ KH-2013
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.382.343	1.398.000	1.603.670	116,01%	114,71%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	52.962	50.000	78.128	147,52%	156,26%
3. Sản lượng tiêu thụ + Cây đầu lọc (Tr. Cây)	11.998	11.500	13.661	113,9%	118,8%
+ Nhãn in (Tr. Tờ)	2.202	2.050	2.113	95,9%	103,1%
+ Giấy sếp (Tấn)	1.626	1.600	1.772	109,0%	110,8%

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt kết quả tốt so với kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều đạt trên mức kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao cụ thể : Tổng doanh thu năm 2013 đạt 1.604 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,7% so với kế hoạch năm và tăng 16,0% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng kéo theo lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty tăng 28,1 tỷ đồng tương ứng tăng 56,3% so với kế hoạch năm và tăng 47,5% so cùng kỳ năm trước.

- Trong năm 2013, sản lượng cây đầu lọc vẫn giữ nhịp độ tăng trưởng ổn định, cây đầu lọc sử dụng giấy thông thoáng có sản lượng tăng nhiều so với năm 2012 do những sản phẩm xuất khẩu sử dụng mặt hàng này kết hợp với giấy đục lỗ giấy sếp tăng trưởng tốt.

- Sản lượng bao tút in tiếp tục bị sụt giảm do khách hàng bỏ sử dụng tút giấy in, các sản phẩm in thay đổi liên tục do ảnh hưởng của luật in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh đã gây khó khăn ít nhiều cho việc sản xuất của Công ty. Tuy nhiên sản lượng nhãn in đã tăng mạnh vào quý 4/2013 để đáp ứng nhu cầu của khách hàng chuẩn bị cho việc chuyển đổi sản phẩm in cảnh báo bằng hình ảnh. Vì thế sản lượng nhãn in đã vượt kế hoạch năm 2013 tăng 3.1%, tuy vậy sản lượng nhãn in vẫn giảm so với năm trước chỉ bằng 95.9% tương ứng giảm 4.1% so với cùng kỳ.

- Đối với sản phẩm giấy sếp vẫn tiếp tục giữ nhịp độ tăng trưởng, những mẫu hàng được triển khai khá nhiều chủ yếu vẫn là những sản phẩm giấy sếp nhiều màu và giấy sếp đục lỗ với nhu cầu cao cấp và được thiết kế sắc sảo hơn. Nhìn chung tình

hình sản xuất và tiêu thụ giấy sếp khá tốt so với kế hoạch đề ra và cao hơn cùng kỳ năm trước.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013, khó khăn lớn nhất là việc thiếu hụt nguyên liệu Tow sản xuất cây đầu lọc do hạn chế nguồn cung dẫn tới Công ty phải chủ động nhập khẩu cây đầu lọc đảm bảo cho hợp đồng đã được ký kết, vì thế phần nào đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó Công ty luôn chú trọng công tác quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý tiêu hao vật tư để đảm bảo giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác thị trường, hợp tác chặt chẽ với khách hàng để tăng trưởng doanh thu, đồng thời cùng với tỷ giá ngoại tệ năm 2013 khá ổn định, lãi suất tiền vay ở mức thấp đã giảm đáng kể chi phí tài chính của Công ty so với năm 2012 (giảm trên 16 tỷ đồng). Vì thế kết quả kinh doanh của năm 2013, Công ty đã đạt được vượt mức kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2013 cả về doanh thu và lợi nhuận.

- Nguồn lực về máy móc thiết bị bổ sung trong năm gồm: thuê hoạt động 01 máy sản xuất cây đầu lọc, thực hiện ghép nối máy in ATN1 (5 màu) và ATN (6 màu) cũ thành một máy in mới 10 màu phục vụ cho nhu cầu sản xuất sản phẩm in hình ảnh.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

➤ **Thuận lợi:**

- Thuận lợi lớn nhất của công ty trong năm qua là việc tỷ giá USD ổn định trong năm qua, tỷ giá thanh toán thực tế và tỷ giá của ngân hàng không chênh lệch nhiều đã góp phần vào kết quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó còn có sự hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam trong việc cân đối nguồn ngoại tệ nhập hàng cho công ty.

- Bên cạnh đó, lãi suất ngân hàng trong năm qua có giảm so với năm 2012 cùng với sự hỗ trợ của các đơn vị khách hàng trong việc thanh toán tiền hàng đã góp phần làm giảm chi phí hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2013.

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, đồng thời được sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài Tổng công ty trong năm qua, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất công ty đã cố giữ cho sản lượng luôn ở mức ổn định.

➤ **Khó khăn:**

- Một trong những khó khăn lớn nhất trong năm qua là tình hình giá cả nguyên phụ liệu liên tục biến động do ảnh hưởng của lạm phát và nguồn cung bị hạn chế đã gây nhiều khó khăn cho công trong việc cân đối lượng tồn kho hợp lý.

- Tình hình sản xuất và diễn biến thị trường trong năm qua có nhiều thay đổi đột biến nằm ngoài dự kiến, khi mà chính phủ bắt đầu thực thi luật cạnh tranh sức

khỏe bằng hình ảnh, đặc biệt là nhóm hàng nhãn in, ngoài sản lượng không ổn định và việc đổi mẫu thường xuyên cộng với nhiều yêu cầu sản xuất những đơn hàng nhỏ lẻ. Bên cạnh đó, Công ty phải tập trung thay đổi mẫu mã các sản phẩm in theo yêu cầu khách hàng, đồng loạt chỉnh sửa các sản phẩm chủ lực, một loạt các sản phẩm không còn sử dụng nữa, việc thay đổi lớn này đã làm công tác chuẩn bị vật tư, điều tiết sản xuất và giao hàng gặp rất nhiều khó khăn trong năm qua.

- Một trong những khó khăn công ty gặp phải trong năm qua là việc đặt hàng và giao hàng cho những khách hàng phía Bắc do chủng loại và số lượng hàng ngày một nhiều trong khi công tác vận chuyển và giao hàng gặp rất nhiều khó khăn. Ngoài ra những tháng cuối năm ảnh hưởng tình hình thời tiết, mưa bão kéo dài cũng khiến cho việc giao hàng cho các nhà máy phía Bắc bị ảnh hưởng.

- Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm qua biến động lớn đã tác động đến tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào. Giá các loại vật tư sản xuất và chi phí vận chuyển đồng loạt tăng trong khi giá bán đầu ra không thể tăng kịp thời. Đây chính là yếu tố khó khăn nhất trong năm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	508.129	493.068	15.061	3,1%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	22.649	18.226	4.423	24,3%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	1.790	(1.790)	-100,0%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	210.057	157.206	52.851	33,6%
IV. Hàng tồn kho	269.900	314.275	(44.375)	-14,1%
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.524	1.570	3.954	251,8%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	69.138	86.998	(17.860)	-20,5%
I- Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	
II. Tài sản cố định	49.011	66.959	(17.948)	-26,8%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19.197	19.108	89	0,5%
V. Tài sản dài hạn khác	930	930	-	0,0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	577.267	580.066	(2.799)	-0,5%

Tổng tài sản cuối năm so với đầu năm giảm 0,5% chủ yếu là do:

- Tài sản ngắn hạn tăng 3.1% tương ứng 15.062 triệu làm tăng tỷ trọng từ 85% đến 88% trong Tổng tài sản do:
 - + Khoản phải thu tăng 33.6% tương ứng 52.850 triệu do khách hàng lớn thanh toán chậm, không có nợ khó đòi.
 - + Hàng tồn kho giảm 14.1% tương ứng 44.375 triệu do dự trữ vật tư giảm so với năm trước.
 - + Tài sản ngắn hạn khác: tăng 251.8% tương ứng 3.954 triệu do chính sách nộp thuế hàng nhập khẩu, nộp trước khi nhận hàng.
 - + Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 100% do trong năm Cty đã bán hết cổ phiếu Dạm Phú Mỹ.
- Tài sản dài hạn giảm 20.5% tương ứng 17.860 triệu chủ yếu do trong năm 2013 khấu hao TSCĐ.

b. Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

Đơn vị tính triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	299.111	341.753	(42.642)	-12,5%
I. Nợ ngắn hạn	299.111	341.753	(42.642)	-12,5%
II. Nợ dài hạn	-	-	-	0,0%
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	278.157	238.312	39.845	16,7%
I. Vốn chủ sở hữu	278.157	238.312	39.845	16,7%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	577.267	580.066	(2.799)	-0,5%

- Nợ phải trả của Công ty cuối năm giảm gần 43 tỷ đồng tương đương giảm 12,5% tương ứng với việc tài sản lưu động giảm và vốn chủ sở hữu tăng lên.

- Cơ cấu nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu đã được cải thiện so với năm trước cụ thể năm trước hệ số nợ phải trả /vốn chủ sở hữu là 143,41%, năm nay chỉ còn 107,53%. Khoản nợ phải trả chủ yếu là khoản vay Ngân hàng thương mại, với hệ số nợ này tạm thời an toàn trong điều kiện được sự hỗ trợ tín dụng của Ngân hàng một cách bình thường, tuy nhiên vẫn còn rủi ro khi Công ty tăng trưởng doanh thu và đầu tư mở rộng sản xuất. Vì thế để giảm bớt sự rủi ro do phải phụ thuộc vào nguồn vốn vay công ty cần phải tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển hoặc phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi..) nhằm đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của công ty tăng so với năm trước đạt 1,70 lần (năm trước là 1,44 lần) đảm bảo mức độ an toàn đối với hoạt động của Công ty. Hiện các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu tăng so với năm trước đạt 25,6%, vốn chủ sở hữu của Công ty đã tăng được 16,7% so với năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.

- Thuê đơn vị tư vấn đánh giá hiện trạng công ty để nhận biết những quy trình thủ tục quản lý còn thiếu sót để khắc phục và hoàn thiện.

- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện hệ thống ISO để quản lý sản xuất.

- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2014:

- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong năm 2013, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty đã xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2014 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2014</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.512.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.000
3	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	75.000
4	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (<i>quy đổi</i>)	Triệu cây	13.200
	- Nhãn in (<i>quy đổi</i>)	Triệu tờ	1.650
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1.555

Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014:

- Kinh tế năm 2013 đã từng bước ổn định. Sản xuất đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, cân đối ngân sách còn nhiều thách thức và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn là những vấn đề tiếp tục đặt ra cho năm 2014. Tình hình thị trường và sức mua ngành thuốc lá phục hồi chậm, sản xuất vẫn duy trì ổn định nhưng tình hình tồn kho dự trữ của các nhà máy thuốc lá ở mức cao.

- Tình hình nguyên liệu đầu vào có dấu hiệu tăng mạnh, nhất là những nguyên liệu chính như Tow, giấy. Ngoài ra năm 2014 ước lượng chi phí đầu tư cho trục in của công ty sẽ tăng cao do hầu hết các sản phẩm in sẽ phải chuyển sang in cảnh báo

hình ảnh. Yếu tố này sẽ khiến giá bán công ty tăng và ảnh hưởng đến giá thành của các đơn vị sản xuất thuốc lá điếu.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch nguyên liệu năm 2014. Đồng thời chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên liệu mới với chất lượng phù hợp và giá cả ổn định, cạnh tranh. Tỷ giá USD cũng sẽ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kế hoạch năm 2014 của Công ty vì phần lớn nguyên liệu sản xuất của công ty là những mặt hàng nhập khẩu.

- Thị trường thuốc lá trong năm tới sẽ có những tác động lớn khi luật phòng chống tác hại thuốc lá được áp dụng trên cả nước. In cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh sẽ ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý của người tiêu dùng và ảnh hưởng đến giá bán thuốc trên thị trường dẫn đến ảnh hưởng sản lượng tiêu thụ của công ty.

- Kế hoạch đầu tư trong năm 2014 vẫn với mục tiêu cải tiến, nâng cấp máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và sử dụng hợp lý hiệu suất vốn đầu tư. Kế hoạch trong năm 2014 tập trung vào nâng cao công nghệ và chiều sâu trong việc khai thác những sản phẩm mới theo xu hướng thuốc cao cấp như giấy sập nhiều màu có đục lỗ, nhãn in cảnh báo hình ảnh, ép nhũ. Kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường thuốc cao cấp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nhất là khi các sản phẩm của mặt hàng thuốc lá trong nước sẽ phải nâng cấp để cạnh tranh với các loại thuốc lá nhập khẩu.

- Việc giá những mặt hàng thiết yếu như xăng dầu sẽ ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển, giá điện và giá nước khả năng sẽ được điều chỉnh tăng, một số mặt hàng nguyên vật liệu sẽ được điều chỉnh biểu thuế theo lộ trình hội nhập. . . sẽ là áp lực tăng giá các nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 2014. Công ty sẽ luôn theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường trong thời gian tới và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Việc tuyên truyền quảng bá tác hại của thuốc lá ngày một thường xuyên, cùng với các quy định về kiểm soát thuốc lá ngày càng chặt chẽ theo hướng hạn chế sử dụng thuốc lá sẽ tác động đến thị trường thuốc lá nội tiêu và cũng gián tiếp ảnh hưởng đến thị trường của Công ty. Tuy vậy, đó cũng chính là cơ hội để Công ty phát huy nguồn lực trang thiết bị hiện có nhằm cạnh tranh với các loại bao bì thuốc lá cùng ngành với chi phí rẻ hơn và khả năng đáp ứng nhanh hơn.

- Với sản lượng đạt được trong năm 2013 và tình hình thị trường trong năm, dự đoán nhu cầu thị trường 2014 sẽ gặp nhiều khó khăn và sản lượng sẽ thấp hơn năm 2013. Tuy nhiên, công ty đánh giá thời điểm khó khăn cũng chính là cơ hội dành cho Công ty nên phần đầu xây dựng kế hoạch thực hiện ở mức tối ưu có thể, tận dụng mọi ưu thế sẵn có của công ty để phát triển thị trường, chủ yếu là sản phẩm in. Sản phẩm giấy sập và cây đầu lọc của công ty đã chiếm giữ thị phần lớn thị trường trong nước rất khó tăng thêm. Công ty sẽ cố gắng đẩy mạnh công tác thị trường, chủ động sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng nhằm giữ vững thị phần và qua đó tìm hiểu để nắm bắt xu hướng phát triển sản phẩm cao cấp nhằm có những điều chỉnh cho phù hợp kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình năm 2014 sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp. Công ty sẽ luôn theo sát diễn biến thị trường kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất nhằm quản lý sản xuất tốt, nỗ lực tăng cường tập trung chăm sóc thị trường trong nước đồng thời đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm xuất khẩu. Bên cạnh đó là việc cải tiến công nghệ, nâng cao kỹ thuật, triệt để thực hành tiết kiệm giảm thiểu chi phí đồng thời không ngừng nâng cao trình độ nguồn nhân lực, phát huy hết khả năng để hoàn thành tốt kế hoạch năm mới, đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động.

- Với sự chuẩn bị cho kế hoạch năm 2014 như đã nêu, Công ty sẽ cố gắng phát huy lợi thế của mình trong năm mới, thực hiện tiết kiệm và có hiệu quả nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành và của Công ty.

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

a. Về kết quả sản xuất kinh doanh

- Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 đã đạt vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao cho cụ thể Doanh thu đạt 114,7% và Lợi nhuận đạt 156,3% . Lý do chính là do thị trường sản phẩm của công ty còn phụ thuộc nhiều vào đầu ra của các Công ty sản xuất thuộc điều trong nước, khi các Công ty sản xuất thuộc gặp thuận lợi trong tiêu thụ sản phẩm thì cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tuy nhiên với tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 54,3%/vốn điều lệ trong điều kiện nền kinh tế chung trong nước và thế giới có nhiều bất ổn thì đó cũng là sự cố gắng lớn của Công ty.

b. Về hoạt động đầu tư và nguồn lực hỗ trợ

- Trong năm 2013, công ty đã thực hiện được các mục tiêu đầu tư máy móc thiết bị như sau: trang bị thêm 01 máy sản xuất cây dầu lọc thông qua việc thuê dài hạn, trang bị thêm các thiết bị phụ trợ cho phân xưởng cây dầu lọc, trang bị mới 01 ô tô 05 chỗ, thực hiện ghép nối thành công hai máy in ATN1 và ATN2 cũ thành một máy in mới 10 màu phục vụ cho nhu cầu sản xuất sản phẩm in hình ảnh... Nhìn chung các công trình đầu tư đã được thực hiện theo đúng tiến độ, công ty đã tiến hành tiếp nhận và lắp đặt hoàn chỉnh các máy móc, thiết bị đưa vào sản xuất để bắt kịp nhu cầu thị trường trong việc phát triển sản phẩm cao cấp, góp phần tích cực vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty cũng đang tiến hành thực hiện lập dự án đầu tư thêm 01 máy đục lỗ giấy sấp, 01 máy cắt và 01 máy in 10 màu mới trong năm 2014 - 2015 theo chủ trương được duyệt của HĐQT nhằm nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất của công ty trong tương lai.

c. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động; Bổ nhiệm thêm vị trí Ban kiểm soát nội bộ.
- Công ty luôn chú trọng chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

d. Về công tác đoàn thể và xã hội

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn và đoàn thanh niên trong công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao quần chúng...
- Công ty cũng dành một phần kinh phí tham gia các hoạt động xã hội như tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo...

e. Về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin của Công ty nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật.
- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

f. Về tiềm năng sản phẩm của Công ty

- Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.
- Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sấp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước. Công tác thị trường luôn được công ty chú trọng.
- Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty

- Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh đạt được năm 2013, Ban giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông giao cho, tuy nhiên trước những khó khăn chung của nền kinh tế với kết quả đã đạt được Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực trong các hoạt động của Ban giám đốc cụ thể:
 - Ban Giám Đốc công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong năm 2013.
 - Giám sát sản xuất chặt chẽ quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm và giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh.
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh tăng hoặc giảm giá bán sản phẩm khi chi phí nguyên liệu đầu vào tăng giá hoặc giảm giá nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.
- Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, đặc biệt chú trọng tới tinh thần hợp tác của các cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện việc tái cấu trúc Công ty để phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tập trung công tác quản trị các nguồn lực công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.
- Xây dựng chiến lược công ty, tổ chức bộ máy quản trị rủi ro trong công ty.
- Thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để chuyên trách giúp việc cho Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản trị công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm tăng cường sự giám sát và quản lý Công ty.
- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Chỉ đạo Ban giám đốc thường xuyên quan tâm đến công tác nguồn nhân sự đào tạo và tuyển dụng; công tác thị trường; công tác quản lý tài chính, vốn và dòng tiền; công tác quản trị rủi ro công ty. Đặc biệt quan tâm tới công tác đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với định hướng phát triển mới.
- Phấn đấu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Quách Kim Anh + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 15/02/1960 Nghệ An Việt Nam Đại học (Kinh tế Công nghiệp). Chủ tịch Hội đồng quản trị. + Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. + Ủy viên HĐQT Liên doanh BAT-VINATABA. + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị. 4.865 CP, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
2. Ông Bùi Tấn Hòa + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 26/04/1971 Sài gòn Việt Nam Kỹ sư cơ khí Giám đốc, Ủy viên hội đồng quản trị Không. 9.041 CP, chiếm 0,07% vốn điều lệ.
3. Ông Cù Mạnh Đạt + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 21/06/1968 Nam Định Việt Nam Cử nhân kinh tế, cử nhân Công nghệ thông tin. Ủy viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban kiểm soát nội bộ. Không. 27.004 CP, chiếm 0,21% vốn điều lệ.

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
4. Ông Trương Bình An Sơn + Giới tính : Nam + Ngày tháng năm sinh : 02/08/1958 + Nơi sinh : Sài Gòn + Quốc tịch : Việt Nam + Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế tài chính, Thạc sĩ QTKD + Chức vụ công tác tại Công ty : Kế toán trưởng, Ủy viên Hội đồng quản trị. + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : Không. + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 48.999 CP, chiếm 0,37% vốn điều lệ.	
5. Ông Nguyễn Duy Khánh + Giới tính : Nam + Ngày tháng năm sinh : 22/07/1964 + Nơi sinh : Sài Gòn + Quốc tịch : Việt Nam + Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. + Chức vụ công tác tại Công ty : Ủy viên Hội đồng quản trị. + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn. + Ủy viên HĐQT Công ty CP Hòa Việt. + Ủy viên HĐQT Công ty Thuốc lá Sài Gòn. + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.	

- Cổ phiếu đại diện sở hữu:

- + Bà Quách Kim Anh, Ông Bùi Tấn Hòa, Ông Cù Mạnh Đạt cùng đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt nam số lượng 6.683.040 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ.
- + Ông Nguyễn Duy Khánh đại diện sở hữu cho Công ty TNHH 1 TV Thuốc Lá Sài Gòn số lượng 836.270 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

- + Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 2 thành viên : Bà Quách Kim Anh và Ông Nguyễn Duy Khánh.
- + Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 3 thành viên : Ông Bùi Tấn Hòa, Ông Trương Bình An Sơn, Ông Cù Mạnh Đạt.
- + Thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Chưa có.

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:

- Tiểu ban soát xét, đánh giá hệ thống quản trị Công ty gồm các thành viên:
 - + Bà Quách Kim Anh - Chủ tịch HĐQT, *Trưởng ban.*
 - + Ông Nguyễn Đức Hanh - Phó Giám đốc, *Phó ban*
 - + Bà Đỗ Bích Ngọc - Ủy viên thường trực.
 - + Ông Nguyễn Thế Bảo - Ủy viên.
 - + Bà Đặng Thị Thanh Vân - Ủy Viên.
- Tiểu Ban xây dựng chiến lược phát triển công ty.
 - + Bà Quách Kim Anh - Chủ tịch HĐQT, *Trưởng ban.*
 - + Ông Bùi Tấn Hòa - Giám đốc, *Phó ban.*
 - + Ông Cù Mạnh Đạt - UV HĐQT, *UV thường trực.*
 - + Ông Trương Bình An Sơn - UV HĐQT, *Ủy viên.*
 - + Ông Nguyễn Đức Hanh - Phó Giám đốc, *Ủy viên.*
 - + Ông Nguyễn Hoàng Minh - Phó Giám đốc, *Ủy viên.*

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát triển khai việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2013.
- Giám sát triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát triển khai việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2012 cho cổ đông;
- Giám sát việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 cho cổ đông.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giám sát tình hình thuê TSCĐ và đầu tư mua mới TSCĐ.
- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tiến hành 5 cuộc họp và ban hành 08 nghị quyết sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	24/NQ-CPCL	09/01/2013	Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2012; Đề xuất Kế hoạch SXKD 2013; Quyết toán chi phí thị trường 2012; Thông qua thời gian địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013; Thông qua kế hoạch nghiên cứu công nghệ năm 2013; Đề xuất chi thưởng ban điều hành công ty năm 2012.

2	130/NQ-CPCL	07/03/2013	Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2013; Thông qua nội dung và tài liệu trình đại hội cổ đông thường niên 2013.
3	185/NQ-CPCL	04/04/2013	Thông nhất chi trả cổ tức đợt cuối 2012.
4	242/NQ-CPCL	24/04/2013	Thông qua kết quả SXKD quý 1/2013; Kế hoạch SXKD quý 2/2013; Thông qua chủ trương thanh lý 01 xe TOYOTA ZACE 07 chỗ; thông qua tờ trình của Công ty về nội dung thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty CP chứng khoán Nhật Việt 2013.
5	386/NQ-CPCL	11/07/2013	Thông qua kết quả SXKD quý 2/2013; Kế hoạch SXKD quý 3/2013; Thông qua chủ trương đầu tư; Thông qua chi phí thị trường 06 tháng đầu năm 2013; Thông qua quy chế bảo vệ bí mật Nhà Nước và nội bộ trong Công ty; Thông qua phương án giải thể Phòng đầu tư; Bổ nhiệm nhân sự Ban kiểm soát nội bộ Công ty.
6	442/NQ-CPCL	06/08/2013	Thông qua chủ trương cho Công ty thuê 01 máy sản xuất cây dầu lọc 03 năm; Đầu tư mua sắm lại máy sản xuất cây dầu lọc sau thời hạn thuê; Đầu tư mua sắm các thiết bị phụ trợ; Ủy quyền cho Giám đốc Công ty đàm phán thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
7	590/NQ-CPCL	28/10/2013	Thông qua kết quả SXKD quý 3/2013; Kế hoạch SXKD quý 4/2013; Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2014; Thông nhất thông qua tạm ứng cổ tức năm 2013 cho cổ đông.
8	595/NQ-CPCL	28/10/2013	Thông qua kế hoạch chi phí thị trường năm 2014; Thông qua sửa đổi quy chế tài chính, chi tiêu nội bộ Công ty; Bổ sung phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty; Thông nhất thông qua Báo cáo KQKD T09/2013 và kế hoạch hoạt động quý 04/2013 của Ban kiểm soát nội bộ Công ty; Bổ nhiệm lại Giám Đốc Công ty; Trang bị 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi cho hoạt động Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:
Chưa có.

e. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm tiểu ban soát xét đánh giá hệ thống Quản trị công ty và tiểu ban xây dựng chiến lược tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị tham gia ý kiến đóng góp và triển khai công việc.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty..

- Ông Cù Mạnh Đạt.
- Ông Trương Bình An Sơn.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Mai Thị Thu Lan + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 26/12/1961 Gia Lâm, Hà Nội Việt Nam Cử nhân kinh tế. Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát nội bộ – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
2. Bà Trịnh Thanh Huyền + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 10/10/1958 Nam Định Việt Nam Cử nhân kinh tế tài chính. Ủy viên Ban Kiểm soát Kế toán trưởng – Công ty Thuốc lá Thăng Long. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Văn Đạo + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh :	Nam 29/05/1954 Sài gòn

+ Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Việt Nam Kỹ sư cơ khí. Ủy viên Ban Kiểm soát Không. 75.000 CP, chiếm 0,57% vốn điều lệ.
4. Nguyễn Thị Lan Anh + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 05/06/1961 Hà Nội Việt Nam Cử nhân kinh tế Ủy viên Ban Kiểm soát Phó trưởng phòng TCKT – Công ty Thuốc lá Thăng Long. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.

Ghi chú: Bà Nguyễn Thị Lan Anh thay thế Bà Trịnh Thanh Huyền từ ngày 04/04/2013.

b. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013:

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2012;
- Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lợi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2013 trước khi trình ĐHĐCĐ trong phiên họp ngày 03/04/2014;
- Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
- Kiểm tra chi phí;
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho Hội đồng quản trị công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thư mời.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị đều mở rộng có ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được

chuyển sang ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc;

- Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, phân xưởng trong công ty, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra;

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát năm 2013 (đã quyết toán).

Đơn vị tính đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Quách Kim Anh	Chủ tịch HĐQT	187.208.111	29.030.000	216.238.111
2	Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	186.580.600	24.194.000	210.774.600
3	Bùi Tấn Hòa	Ủy viên, Giám đốc	880.937.930	24.194.000	905.131.930
4	Trương Bình An Sơn	Ủy viên, Kế toán trưởng	505.635.670	24.194.000	529.829.670
5	Cù Mạnh Đạt	Ủy viên	467.107.800	24.194.000	491.301.800
	Tổng cộng		2.227.470.111	125.806.000	2.353.276.111
BAN KIỂM SOÁT					
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Mai Thị Thu Lan	Trưởng BKS	146.300.000	-	146.300.000

2	Trịnh Thanh Huyền	Ủy viên	59.500.000	-	59.500.000
3	Nguyễn Văn Đạo	Ủy viên	132.000.000	-	132.000.000
4	Nguyễn Thị Lan Anh	Ủy viên	77.500.000		77.500.000
	Tổng cộng		415.300.000	-	415.300.000
BAN GIÁM ĐỐC					
STT	Họ và tên	Chức Vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	560.792.740	12.097.000	572.889.740
3	Nguyễn Hoàng Minh	Phó giám đốc	556.249.920	12.097.000	568.346.920
	Tổng cộng		1.117.042.660	24.194.000	1.141.236.660

b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Chỉ có cổ đông nội bộ là Ông Nguyễn Duy Khánh là Đại diện pháp luật của Công ty TNHH 1 TV Thuộc lá Sài Gòn là có hợp đồng giao dịch mua hàng của Công ty với tư cách pháp nhân là tổ chức trị giá phát sinh doanh thu trong năm 2013 là 707.618.826.281 đồng.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 20/02/2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền

tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công Ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Quách Kim Anh
Quách Kim Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí Nghiệp In Bao bì Và Phụ liệu Thuốc lá thành công ty cổ phần theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 08 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: In trên bao bì. Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp. Môi giới thương mại. Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá. Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Kim Anh	Chủ tịch
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Đạo	Thành viên
Bà Trịnh Thanh Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

Đến ngày 04/04/2013
Từ ngày 04/04/2013

31386
ÔNG
NHIỆM
VỤ T
HÌNH K
KIỂM T
AM V
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Tấn Hòa
Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

4-G.7
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
OÁN
HỆT
CHÍNH



Số : 32/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cát Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 20/02/2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công Ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0167-2013-152-1

Nguyễn Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		508.129.453.733	493.067.817.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.648.816.119	18.226.046.047
1. Tiền	111		22.648.816.119	18.226.046.047
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	1.790.071.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.550.102.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(760.030.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.056.787.867	157.206.369.556
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	208.258.195.119	154.773.591.636
2. Trả trước cho người bán	132		1.792.280.172	2.403.489.950
3. Các khoản phải thu khác	135		6.312.576	29.287.970
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	269.899.809.272	314.275.155.597
1. Hàng tồn kho	141		269.899.809.272	314.275.155.597
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.524.040.475	1.570.174.442
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		48.631.792	60.998.819
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.627.517.950	1.445.675.623
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	1.759.266.733	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	88.624.000	63.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.137.990.271	86.997.826.857
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.010.780.407	66.959.339.153
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	41.705.694.002	58.624.344.590
- Nguyên giá	222		434.200.779.225	433.168.825.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(392.495.085.223)	(374.544.480.587)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

0306/2013
TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ
N
TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	7.305.086.405	8.334.994.563
- Nguyên giá	228		16.806.179.799	16.858.412.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.501.093.394)	(8.523.418.236)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	19.196.924.603	19.108.202.443
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20.250.000.000	20.250.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.053.075.397)	(1.141.797.557)
V. Tài sản dài hạn khác	260		930.285.261	930.285.261
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	930.285.261	930.285.261
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		577.267.444.004	580.065.644.099

1388
CÔNG TY
THIỆM H
VỤ T
HÌNH KẾ
KIỂM T
M VI
TP.HC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		299.110.584.649	341.753.390.171
I. Nợ ngắn hạn	310		299.110.584.649	341.753.390.171
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	163.543.008.670	281.944.117.686
2. Phải trả người bán	312	V.12	120.363.325.225	43.543.559.869
3. Người mua trả tiền trước	313		42.097	1.301.041
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.357.251.469	6.121.720.046
5. Phải trả người lao động	315		8.196.989.764	6.282.820.597
6. Chi phí phải trả	316	V.14	184.559.506	337.553.492
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	1.339.790.029	1.069.626.558
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.125.617.889	2.452.690.882
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		278.156.859.355	238.312.253.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	278.156.859.355	238.312.253.928
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.622.998.069	33.374.903.059
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		27.557.178.270	22.707.787.270
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.938.383.016	51.191.263.599
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		577.267.444.004	580.065.644.099



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		11.602.850.553	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		834.095.136	720.637.500
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		892,70	20.456,12
+ EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



Bùi Tấn Hòa

Liêu Phước Tính

Trương Bình An sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.602.041.379.642	1.380.338.786.617
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.602.041.379.642	1.380.338.786.617
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.460.469.358.822	1.256.004.156.088
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141.572.020.820	124.334.630.529
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	475.649.176	1.504.999.405
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.218.189.400	32.294.757.253
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.087.230.178	30.152.964.768
8. Chi phí bán hàng	24		25.186.541.895	23.985.786.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.388.324.965	16.953.041.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.254.613.736	52.606.044.697
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.153.212.192	499.486.328
12. Chi phí khác	32	VI.6	279.388.056	143.417.067
13. Lợi nhuận khác	40		873.824.136	356.069.261
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.128.437.872	52.962.113.958
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	6.888.846.906	4.225.417.616
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.239.590.966	48.736.696.342
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	5.437	3.719

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc







Liêu Phước Tính

Trương Bình An son

Bùi Tấn Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	78.128.437.872	52.962.113.958
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	25.955.473.550	22.707.550.397
- Các khoản dự phòng	03	(848.752.560)	(1.117.918.286)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	71.601.682	(242.782.327)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(692.535.472)	(696.293.074)
- Chi phí đi vay	06	12.087.230.178	30.152.964.768
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	114.701.455.250	103.765.635.436
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(56.816.651.371)	24.879.167.220
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	44.375.346.325	(69.711.118.034)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	70.804.797.307	(62.734.022.479)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12.367.027	6.890.469
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.240.224.164)	(30.272.126.910)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.042.271.626)	(4.313.545.506)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	120.000.000	25.440.100.800
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(120.000.000)	(4.695.476.822)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	153.794.818.748	(17.634.495.826)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.006.914.804)	(23.206.317.561)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	581.409.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.298.999.600	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	362.228.781	696.293.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.764.277.332)	(22.510.024.487)

0305
C
TRÁCH
DỊCH
TÀI C
VÀ
N
T
T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.279.398.841.158	1.219.271.889.132
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.397.799.950.174)	(1.213.824.451.893)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.207.664.000)	(32.759.671.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(144.608.773.016)	(27.312.233.761)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.421.768.400	(67.456.754.074)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	18.226.046.047	85.676.880.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.001.672	5.919.887
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	22.648.816.119	18.226.046.047

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc







Liêu Phước Tính

Trương Bình An sơn

Bùi Tấn Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2013**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí Nghiệp In Bao bì Và Phụ liệu Thuốc lá thành công ty cổ phần theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 08 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: In trên bao bì. Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp. Môi giới thương mại. Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá. Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Trước ngày 01/01/2013 Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Từ ngày 01/01/2013 Công ty áp dụng hình thức Nhật ký - Sổ cái trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	2,5 – 18 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 11 năm
- Thiết bị văn phòng	1,5 – 12 năm
- Phần mềm	02 năm
- Quyền sử dụng đất	32 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi phân phối các quỹ, chia cổ tức và phân phối khác theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

- Doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

- Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	108.606.500	108.950.500
Tiền gửi ngân hàng	22.540.209.619	18.117.095.547
Cộng	22.648.816.119	18.226.046.047

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2013 VND	Số lượng cổ phiếu	01/01/2013 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-		2.550.102.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất dầu khí (Đạm Phú Mỹ)			50.002	2.550.102.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(760.030.400)
Cộng		-		1.790.071.600

Trong tháng 04/2013 Công ty bán 50.002 Cổ phiếu tương ứng 2.298.999.600 đồng lỗ 251.102.400 đồng, hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu ngắn hạn với số tiền 760.030.400 đồng.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá An Giang	1.519.386.601	471.059.248
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Bến Tre	1.438.182.829	3.627.650.180
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Cừu Long	2.316.390.970	1.643.566.584
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Đồng Tháp	4.454.862.372	2.421.445.581
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Bắc Sơn	2.569.863.029	6.613.582.715
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Long An	15.324.667.366	15.324.247.226
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn	110.661.002.497	58.752.829.518
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Thanh Hóa	1.082.856.414	6.411.931.852
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	61.357.473.644	27.550.091.998
Công Ty Thuốc Lá Đà Nẵng	-	20.240.000
Tổng Công Ty Khánh Việt	2.342.052.262	11.587.199.866
Tổng Công Ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	3.317.054.477	3.413.112.945
Công Ty TNHH Vinataba-Philip Morris	-	15.128.509.836
Các khách hàng khác	1.874.402.658	1.808.124.087
Cộng	208.258.195.119	154.773.591.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	-	11.044.161.073
Nguyên liệu, vật liệu	244.432.636.038	261.938.233.364
Công cụ, dụng cụ	21.904.617	27.055.666
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.094.001	5.884.257.385
Thành phẩm	25.440.174.616	35.381.448.109
Hàng hoá	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	269.899.809.272	314.275.155.597

5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế nhập khẩu	1.759.266.733	-
Cộng	1.759.266.733	-

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	68.624.000	43.500.000
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	20.000.000
Cộng	88.624.000	63.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2-Đường D-KCN Cát Lái-Q.2-TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	28.636.506.967	392.655.429.072	7.613.922.059	4.262.967.079	433.168.825.177
Số tăng trong năm	-	6.097.915.179	1.614.274.111	496.073.727	8.208.263.017
- Mua sắm mới	-	2.130.812.630	1.614.274.111	496.073.727	4.241.160.468
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.967.102.549	-	-	3.967.102.549
Số giảm trong năm	24.698.600	4.931.234.955	584.821.750	1.635.553.664	7.176.308.969
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.587.760.357	449.216.013	113.419.940	5.150.396.310
- Giảm khác (*)	24.698.600	343.474.598	135.605.737	1.522.133.724	2.025.912.659
Số dư cuối năm	28.611.808.367	393.822.109.296	8.643.374.420	3.123.487.142	434.200.779.225
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	25.584.442.329	339.087.659.954	6.581.556.905	3.290.821.399	374.544.480.587
Số tăng trong năm	384.075.369	23.497.016.008	588.317.629	475.908.386	24.945.317.392
Khấu hao trong năm	384.075.369	23.497.016.008	588.317.629	475.908.386	24.945.317.392
Số giảm trong năm	23.875.313	4.930.101.622	564.581.757	1.476.154.064	6.994.712.756
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.587.760.357	449.216.013	113.419.940	5.150.396.310
- Giảm khác (*)	23.875.313	342.341.265	115.365.744	1.362.734.124	1.844.316.446
Số dư cuối năm	25.944.642.385	357.654.574.340	6.605.292.777	2.290.575.721	392.495.085.223
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	3.052.064.638	53.567.769.118	1.032.365.154	972.145.680	58.624.344.590
Tại ngày cuối năm	2.667.165.982	36.167.534.956	2.038.081.643	832.911.421	41.705.694.002

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 274.710.761.482 đồng.

Giá trị còn lại đầu năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 38.608.333.378 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 22.406.471.248 đồng.

(*) Giảm khác: Là các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC được chuyển đổi thành công cụ dụng cụ và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	15.502.607.589	1.355.805.210	16.858.412.799
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	52.233.000	52.233.000
- Giảm khác (*)	-	52.233.000	52.233.000
Số dư cuối năm	15.502.607.589	1.303.572.210	16.806.179.799
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	8.091.309.832	432.108.404	8.523.418.236
Khấu hao trong năm	350.140.056	750.541.954	1.100.682.010
Số giảm trong năm	-	123.006.852	123.006.852
- Giảm khác (*)	-	123.006.852	123.006.852
Số dư cuối năm	8.441.449.888	1.059.643.506	9.501.093.394
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	7.411.297.757	923.696.806	8.334.994.563
Tại ngày cuối năm	7.061.157.701	243.928.704	7.305.086.405

Giá trị còn lại đầu năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.411.297.757 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.061.157.701 đồng

(*)Giảm khác: Là các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá theo quy định tại thông tư 45/2013/ TT-BTC được chuyển đổi thành công cụ dụng cụ và phân bổ vào chi phí sản xuất

Giá trị khấu hao lũy kế giảm 123.006.852 đồng trong đó có 90.525.852 đồng của hai tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán A.X và phần mềm I-Office được xác định lại thời gian khấu hao 1,5 năm thành 2 năm theo thông tư 45/2013/TT-BTC.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2013 VND	Số lượng cổ phiếu	01/01/2013 VND
Đầu tư dài hạn khác		20.250.000.000		20.250.000.000
Đầu tư cổ phiếu		20.250.000.000		20.250.000.000
+ Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	2.025.000	20.250.000.000	2.025.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.053.075.397)		(1.141.797.557)
Cộng		19.196.924.603		19.108.202.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	930.285.261	930.285.261
Cộng	930.285.261	930.285.261

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (*)	43.443.008.670	120.966.782.404
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**)	58.700.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam (***)	31.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (****)	30.400.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ	-	98.077.258.724
Vay ngắn hạn Ngân hàng VID Puplic	-	16.942.016.794
Vay ngắn hạn Ngân hàng China Trust	-	13.258.059.764
Vay ngắn hạn Ngân hàng Hong Leong	-	32.700.000.000
Cộng	163.543.008.670	281.944.117.686

(*) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng vay số 0143/KH/13NH ngày 04/07/2013 và phụ lục số 01/CV-0143/KH/13NH ngày 04/07/2013 đính kèm theo các giấy nhận nợ. Thời hạn vay: 4 tháng. Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Phương thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản.

(**) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng vay số 078/2013HĐTDHM/NHCT9-03-CÁT LỢI ngày 22/11/2013. Thời hạn vay: 4 tháng. Lãi suất vay: theo giấy nhận nợ. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

(***) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam theo hợp đồng vay số BC-HĐTD/CATLOI-01/20130925 ngày 14/10/2013. Thời hạn vay: 4 tháng. Lãi suất vay: theo giấy nhận nợ. Phương thức đảm bảo khoản vay là thế chấp tài sản.

(****) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo hợp đồng vay số 001-698869 ngày 04/09/2013. Thời hạn vay: 4 tháng. Lãi suất vay: theo giấy nhận nợ. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công Ty TM Miền Nam	1.557.756.432	1.358.332.168
Công Ty XNK Thuốc Lá	70.063.641.657	2.911.931.947
Công Ty Vinatoyo	3.442.438.956	10.252.916.190
Công Ty TNHH Bao bì Giấy nhôm Newtoyo	1.029.147.262	2.461.969.666
Công Ty TNHH SX TM DV Thùy Khanh	6.688.962.500	-
DNTN Sản xuất & Thương mại H&H	2.267.954.288	2.949.540.413
Marubeni Plax Corporation	13.611.483.783	-
Nomura Trading Co	-	10.845.150.380
British American Tobacco	5.479.998.615	3.174.324.625
Các nhà cung cấp khác	16.221.941.732	9.589.394.480
Cộng	120.363.325.225	43.543.559.869

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.979.196.916
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.445.675.623
Thuế xuất nhập khẩu	-	445.353.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.956.219.973	2.021.710.154
Thuế thu nhập cá nhân	401.031.496	229.783.504
Cộng	2.357.251.469	6.121.720.046

14. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trích trước chi phí lãi vay	184.559.506	337.553.492
Cộng	184.559.506	337.553.492

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	23.324.760	85.764.107
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	91.447
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	275.000.000	275.000.000
Tạm thu thuế TNCN	841.343.393	270.112.272
Các khoản phải trả, phải nộp khác (Không bao gồm bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp)	200.121.876	438.658.732
Cộng	1.339.790.029	1.069.626.558

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2-Đường D-KCN Cát Lái-Q.2-TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Đơn vị tính: VND Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	131.038.300.000	(653.604.578)	19.738.135.663	16.791.232.270	59.684.019.653
- Lãi trong năm trước					48.736.696.342
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2011		-	13.636.767.396	5.916.555.000	(24.469.877.396)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			13.636.767.396		(13.636.767.396)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính			-	5.916.555.000	(5.916.555.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			-	-	(4.916.555.000)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm 2011		653.604.578			(19.655.745.000)
- Chia cổ tức còn lại năm 2011	-	-		-	(13.103.830.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2012	-				
Số dư cuối năm trước	131.038.300.000	-	33.374.903.059	22.707.787.270	51.191.263.599
- Lãi trong năm					71.239.590.966
- Tăng trong năm		347.106.867			
- Phân phối lợi nhuận năm 2012		-	10.248.095.010	4.849.391.000	(33.300.707.010)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính				4.849.391.000	(4.849.391.000)
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			1.207.354.000		(1.207.354.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			9.040.741.010		(9.040.741.010)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(4.849.391.000)
+ Quỹ thưởng Ban điều hành					(250.000.000)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2012					(13.103.830.000)
- Giảm trong năm		(347.106.867)			(87.934.539)
- Thuế TNDN năm 2012 nộp bổ sung					
- Tạm ứng cổ tức năm 2013 (Theo nghị quyết					(13.103.830.000)
HDQT số 590/NQ-CPCL ngày 28/10/2013)					
Số dư cuối năm	131.038.300.000	-	43.622.998.069	27.557.178.270	75.938.383.016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	%	01/01/2013 VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam	66.830.400.000	51,00%	66.830.400.000	51,00%
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	8.362.700.000	6,38%	8.362.700.000	6,38%
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	5.338.040.000	4,08%	5.338.040.000	4,08%
Vốn góp của các cổ đông khác	50.507.160.000	38,54%	50.507.160.000	38,54%
Cộng	131.038.300.000	100%	131.038.300.000	100%

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	131.038.300.000	131.038.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	131.038.300.000	131.038.300.000
- Cổ tức đã chia bằng tiền	26.207.660.000	32.759.575.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.830	13.103.830
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu phổ thông	13.103.830	13.103.830
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu phổ thông	13.103.830	13.103.830

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	1.533.065.273.220	1.362.559.351.228
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	51.154.218.253	2.596.566.913
Doanh thu gia công, chế biến	3.974.442.760	3.000.041.823
Doanh thu bán phế liệu thu hồi	12.901.290.625	11.232.036.471
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	946.154.784	950.790.182
Cộng	1.602.041.379.642	1.380.338.786.617

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán các thành phẩm	1.376.997.099.436	1.238.600.401.953
Giá vốn bán vật tư hàng hóa	67.478.965.563	2.452.447.175
Giá vốn gia công chế biến	2.145.848.414	2.768.480.307
Giá vốn phế liệu thu hồi	12.901.290.625	11.232.036.471
Giá vốn dịch vụ khác	946.154.784	950.790.182
Cộng	1.460.469.358.822	1.256.004.156.088
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	362.228.781	446.283.074
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	250.010.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.420.395	565.924.004
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	242.782.327
Cộng	475.649.176	1.504.999.405
4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi tiền vay	12.087.230.178	30.152.964.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.651.260.404	3.259.710.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.601.682	-
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	5.747.296	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(88.722.160)	(517.894.286)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	(760.030.400)	(600.024.000)
Lỗ hoạt động đầu tư tài chính (chứng khoán)	251.102.400	-
Cộng	16.218.189.400	32.294.757.253
5. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý TSCĐ	581.409.091	-
Thu nhập khác	571.803.101	499.486.328
	1.153.212.192	499.486.328
6. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phạt vi phạm hợp đồng, vi phạm hành chính	256.189.056	143.417.067
Chi phí khác	23.199.000	-
	279.388.056	143.417.067

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo nghị định 152/2004/NĐ-CP Ngày 06/08/2004 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính Phủ, quy định đối với cơ sở sản xuất hoặc dịch vụ mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Thuế suất 15% trong 12 năm đối với hoạt động sản xuất, miễn 3 năm (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% số thuế phải nộp 7 năm (từ năm 2007 đến năm 2013), 15% (từ năm 2014 đến năm 2015).
- Thuế suất 20% trong 10 năm đối với hoạt động dịch vụ, miễn 2 năm (từ năm 2004 đến năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp 6 năm (từ năm 2006 đến năm 2011), 20% (từ năm 2012 đến 2013).
- Thuế suất 25% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.128.437.872	52.962.113.958
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	5.692.851.545	3.066.541.877
+ Các khoản điều chỉnh tăng	5.693.853.217	3.326.878.248
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.001.672	260.336.371
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	83.821.289.417	56.028.655.835
<i>Trong đó:</i>		
+ Thu nhập được ưu đãi miễn giảm (TS 15%)	80.365.842.853	55.884.666.800
+ Thu nhập được ưu đãi miễn giảm (TS 20%)	49.058.981	38.593.059
+ Thu nhập không được ưu đãi miễn giảm (TS 25%)	3.406.387.583	105.395.976
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.916.285.120	8.416.767.626
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	6.027.438.214	4.191.350.010
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.888.846.906	4.225.417.616

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.239.590.966	48.736.696.342
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	71.239.590.966	48.736.696.342
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.103.830	13.103.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.437	3.719

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.283.808.286.875	1.196.088.892.820
Chi phí nhân công	55.813.484.036	40.489.873.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.955.473.550	22.707.550.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.663.346.358	9.815.266.460
Chi phí bằng tiền khác	31.647.369.977	23.740.664.464
Cộng	1.425.887.960.796	1.292.842.247.958

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá An Giang	Bên liên quan	Bán hàng	9.426.943.683
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng	9.495.828.465
		Mua hàng hóa	66.205.380
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Cửu Long	Bên liên quan	Bán hàng	11.651.224.666
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Đông Tháp	Bên liên quan	Bán hàng	18.489.026.467
		Mua vật tư	31.260.000
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Bắc Sơn	Bên liên quan	Bán hàng	49.142.073.010
Công Ty TNHH Thuốc Lá Hải Phòng	Bên liên quan	Bán hàng	34.538.107.046
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Long An	Bên liên quan	Bán hàng	49.127.399.310
		Mua vật tư	52.279.000
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng	707.618.826.281
		Mua vật tư	1.338.669.069
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Thanh Hóa	Bên liên quan	Bán hàng	41.573.280.460
		Cước vận chuyển	769.182.940
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	Bên liên quan	Bán hàng	378.652.165.125
Công Ty XNK Thuốc Lá	Bên liên quan	Bán hàng	72.000.000
		Mua vật tư, hàng hóa	457.391.736.099
Công Ty Thuốc Lá Đà Nẵng	Bên liên quan	Bán hàng	10.572.500
Công Ty TNHH Vinataba-Philip Morris	Bên liên quan	Bán hàng	138.140.860.114
Công Ty TM Miền Nam	Bên liên quan	Cước vận chuyển	14.423.455.453
		Mua vật tư	42.265.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu /(phải trả) (VND)
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá An Giang	Bên liên quan	Bán hàng	1.519.386.601
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng	1.438.182.829
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Cửu Long	Bên liên quan	Bán hàng	2.316.390.970
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Đồng Tháp	Bên liên quan	Bán hàng	4.454.862.372
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Bắc Sơn	Bên liên quan	Bán hàng	2.569.863.029
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Long An	Bên liên quan	Bán hàng	15.324.667.366
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng	110.661.002.497
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Thanh Hóa	Bên liên quan	Bán hàng	1.082.856.414
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	Bên liên quan	Bán hàng	61.357.473.644
Công Ty XNK Thuốc Lá	Bên liên quan	Mua vật tư, hàng hóa	(70.063.641.657)
Công Ty TM Miền Nam	Bên liên quan	Cước vận chuyển	(1.557.756.432)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc	3.570.350.046	2.655.756.967
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác Ban kiểm soát	415.300.000	284.500.000
Cộng	3.985.650.046	2.940.256.967

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2-Đường D-KCN Cát Lái-Q.2-TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn nút, giấy sếp và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc	In nhãn nút	Giấy sếp + Lưỡi gà	Khác	Đơn vị tính: VND	
					Cộng tổng	
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	957.071.706.994	425.223.774.958	154.744.234.028	65.001.663.662	1.602.041.379.642	
Khấu hao và chi phí phân bổ	890.376.284.672	409.320.186.188	143.758.370.857	81.331.924.189	1.524.786.765.906	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.695.422.322	15.903.588.770	10.985.863.171	(16.330.260.527)	77.254.613.736	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.130.812.630	4.002.552.549	-	2.074.897.838	8.208.263.017	
Tài sản bộ phận					-	
Tài sản không phân bổ					577.267.444.004	
Tổng tài sản					577.267.444.004	
Nợ phải trả bộ phận					-	
Nợ phải trả không phân bổ					299.110.584.649	
Tổng nợ phải trả					299.110.584.649	

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, do công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.648.816.119	18.226.046.047	22.648.816.119	18.226.046.047
Phải thu khách hàng và phải thu khác	208.264.507.695	154.802.879.606	208.264.507.695	154.802.879.606
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	19.196.924.603	20.898.274.043	19.196.924.603	20.898.274.043
Cộng	250.110.248.417	193.927.199.696	250.110.248.417	193.927.199.696

Nợ phải trả tài chính

Các khoản vay	163.543.008.670	281.944.117.686	163.543.008.670	281.944.117.686
Phải trả người bán và phải trả khác (Không bao gồm kinh phí công đoàn)	121.679.790.494	44.527.422.320	121.679.790.494	44.527.422.320
Chi phí phải trả	184.559.506	337.553.492	184.559.506	337.553.492
Cộng	285.407.358.670	326.809.093.498	285.407.358.670	326.809.093.498

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. Tài sản đảm bảo**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7 và V.8). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012 và vào ngày 31/12/2013.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	285.407.358.670	-	285.407.358.670
Các khoản vay	163.543.008.670	-	163.543.008.670
Phải trả người bán	120.363.325.225	-	120.363.325.225
Phải trả khác (không bao gồm kinh phí công đoàn)	1.316.465.269		1.316.465.269
Chi phí phải trả	184.559.506	-	184.559.506
Số đầu năm	326.809.093.498	-	326.809.093.498
Các khoản vay	281.944.117.686	-	281.944.117.686
Phải trả người bán	43.543.559.869	-	43.543.559.869
Phải trả khác (không bao gồm kinh phí công đoàn)	983.862.451	-	983.862.451
Chi phí phải trả	337.553.492	-	337.553.492

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro ngoại tệ của công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 01/01/2013	
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng (USD)	892,70	18.817.519	20.456,12	425.890.300
Cộng	892,70	18.817.519	20.456,12	425.890.300
Nợ tài chính				
Phải trả người bán (USD)	907.639,80	19.131.531.225	791.019,53	16.484.847.005
Phải trả người bán (EUR)	122.593,40	3.559.376.776	42.763,73	1.173.479.515
Vay ngắn hạn (USD)	-	-	8.600.965,34	179.244.117.686
Cộng		22.690.908.001		196.902.444.206
Mức rủi ro tiền tệ		22.709.725.520		197.328.334.506

Tại ngày 31/12/2013, nếu đồng Đô la Mỹ tăng hoặc giảm 2% so với đồng Việt Nam không kể các yếu tố khác thì lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hoặc cao hơn một khoản là: 382.630.625 VND do lỗ/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính có gốc là đồng Đô la Mỹ. Nếu đồng Euro tăng hoặc giảm 2% so với đồng Việt Nam không kể các yếu tố khác thì lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hoặc cao hơn một khoản là: 71.187.536 VND do lỗ/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính có gốc là đồng Euro.

Rủi ro giá

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro nếu yếu tố giá bán thay đổi. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công Ty Dịch Vụ Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



Lieu Phuc Tinh

Truong Binh An son

Bui Tan Hoa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014